

Số: 45/BC-TMN

Nghĩa Hưng, ngày 18 tháng 12 năm 2025

**PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ TÀI CHÍNH  
CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP  
GIAI ĐOẠN 2026-2030**

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Công văn số 16/UBND-VP5 ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc xây dựng phương án tự chủ tài chính năm 2025 và giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ công văn số 34a/KT của phòng kinh tế UBND xã Nghĩa Hưng ngày 16/12/2025 về việc xây dựng phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2026-2030;

Trường MN Nghĩa Trung xây dựng phương án tự chủ về tài chính của đơn vị giai đoạn 2026-2030 như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỦA  
GIAI ĐOẠN TRƯỚC**

**1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng trong đơn vị**

Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của:

- Biên chế giao năm 2025: 44 người.

- Số có mặt: Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng: 43 người. Bao gồm:

+ Số cán bộ, viên chức: 42 người (Trong đó: Ban Giám hiệu: 03 người, Nhân viên: 01 người)

+ Số lao động hợp đồng: 01 người.

**2. Về thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị năm 2025 (Năm học 2024-2025):**

- Tổng số lớp: 19 lớp (Bao gồm: 4 lớp nhà trẻ, 5 lớp 3 tuổi, 3 lớp 5 tuổi, 5 lớp 5 tuổi).

- Tổng số học sinh: 621 học sinh (Bao gồm 156 HS lớp nhà trẻ, 151 HS lớp 3 tuổi, 149 HS lớp 4 tuổi, 165 HS khối 5 tuổi).

- Thực hiện các nhiệm vụ khác: Không.

### **3. Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước:**

- Các văn bản về chế độ chính sách đơn vị thực hiện:
  - + Học phí: Căn cứ Công văn 1628/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2024 của Sở GDĐT Nam Định hướng dẫn thu học phí và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025
  - Phân thực hiện: Đơn vị thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đối tượng thu, mức thu và số tháng thu, nội dung chi đối với các nguồn kinh phí đơn vị đã thu trong năm 2025.
    - Về mức thu học phí và các khoản thu sự nghiệp
    - + Học phí: 90.000đ/tháng/hs thu 9 tháng.
    - + Thu tiền nước uống: (mức thu thỏa thuận, số tháng thu): cụ thể 10.000đ/hs/tháng x 10 tháng
    - + Thu tiền vệ sinh lớp học nhà vệ sinh học sinh: (mức thu thỏa thuận, số tháng thu): cụ thể 18.000đ/hs/ tháng x 10 tháng
    - + Thu tiền thuê cô nấu ăn: 96.000đ/tháng ( Thu theo thực tế học sinh đăng ký ăn bán trú)
    - + Thu Tiền công cô chăm sóc trẻ buổi trưa ( Trục trưa): 5.000đ/trẻ/ngày (Thu theo thực tế trẻ đăng ký ăn bán trú)
    - + Thu tiền ăn bán trú: 20.000đ/trẻ/ngày (Thu theo thực tế trẻ đăng ký ăn bán trú; trong đó tiền ăn là 18.000 đồng và 2.000 đồng tiền chất đốt và phụ phí)
    - + Mức các khoản thu do đơn vị tự quyết định: không
  - Về quy chế chi tiêu nội bộ: Đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025, được thảo luận rộng rãi thống nhất và công khai với tổ chức công đoàn Nhà trường, đồng thời gửi Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở TK giao dịch.

#### **4. Báo cáo về thực hiện các chỉ tiêu tài chính thu, chi giai đoạn tự chủ.**

##### **a. Thu, chi hoạt động dịch vụ:**

###### **\* Hoạt động học phí**

- |  |                  |
|--|------------------|
| - Số dư CCTL năm trước chuyển sang             | 0 đồng           |
| - Số thu học kỳ II năm học 2024-2025           | 217.035.000 đồng |
| - Số cấp bù học phí năm học 2024-2025          | 135.900.000 đồng |
| - Số cấp bù học phí học kỳ I năm học 2025-2026 | 182.60.000 đồng  |
| - Số đã chi trong 60%:                         | 402.446.200 đồng |
| - Số trích 40% HP để thực hiện CCTL            | 214.038.000 đồng |
| - Số trích thiếu học phí của năm 2025          | 0 đồng           |

##### **b. Kinh phí NSNN giao năm 2025:**

- Kinh phí thực hiện tự chủ được giao trong năm là: 7.520.518.000 đồng
- Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định 73/2024: 377.115.000 đồng.

**5. Phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên, trong đó:**

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 0 đồng.
- Trích lập quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ khác (nếu có): 0 đồng.

**6. Thu nhập tăng thêm của người lao động.**

- Bình quân: 0 đ/người/năm.
- Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: 0 đ/người/năm.
- Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: 0 đ/người/năm.

**7. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị: Không**

**PHẦN THỨ HAI**

**BÁO CÁO PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ GIAI ĐOẠN 2026-2030**

**I. Khái quát chung về tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc và tình hình chấp hành chính sách**

**1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng trong đơn vị**

- Hạng trường: Hạng II
- BGH: 03 người (01 Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng)
- Các tổ chuyên môn: 06 tổ (01 tổ nhà trẻ; 03 tổ mẫu giáo, 01 tổ dinh dưỡng và 01 tổ văn phòng)
- Số học sinh bình quân: 590 học sinh
- Số lớp: 21 lớp

**2. Tình hình triển khai nhiệm vụ**

- Hiệu trưởng: Chịu trách nhiệm công tác quản lý chung
- Phó hiệu trưởng: Phụ trách công tác chuyên môn, phổ cập
- Giáo viên: Trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ theo chuyên môn được phân công
- Kế toán: Phụ trách công tác kế toán thu chi tài chính

**3. Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính của nhà nước:**

- Các văn bản về chế độ chính sách đơn vị thực hiện:

Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập tỉnh Ninh Bình.

- Phân thực hiện: Đơn vị thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đối tượng thu, mức thu và số tháng thu, nội dung chi đối với các nguồn kinh phí đơn vị trong năm 2026 (bắt đầu từ học kỳ II năm học 2025-2026).

- Về quy chế chi tiêu nội bộ: Đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026, được thảo luận rộng rãi, thông qua và công khai trước hội đồng nhà trường.

## **II. Xác định phương án tự chủ tài chính:**

1. Liệt kê các danh mục dịch vụ sự nghiệp công do đơn vị SNCL thực hiện để làm căn cứ phân loại mức độ tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Trường Mầm non Nghĩa Trung là đơn vị sự nghiệp công lập được UBND xã Nghĩa Hưng giao theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 19/12/2025. Trong giai đoạn 2026-2030 nhà trường dự kiến quy mô như sau:

TT	Chỉ tiêu	Năm học 2025-2026	Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028-2029	Năm học 2029-2030
1	Số lớp	19	19	21	21	21
2	Số HS	562	565	600	600	600

## **2. Về nguồn thu và chi thường xuyên giai đoạn 2026-2030**

### **2.1. Thu, chi ngân sách nhà nước:**

Căn cứ kế hoạch các năm trong giai đoạn 2026-2030 nhà trường xây dựng dự kiến kinh phí ngân sách cấp như sau:

#### **2.1.1. Dự toán thu:**

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng giai đoạn 2026-2030
	<i>Kinh phí thường xuyên giao tự chủ</i>	7.648	8.150	8.360	8.570	8.690	41.713
	<b>Cộng</b>	7.648	8.150	8.360	8.570	8.690	41.713

### 2.1.2. Dự toán chi

Chi thường xuyên giao tự chủ theo nhiệm vụ nhà nước giao. Căn cứ vào nhà nước định mức nhà nước quy định, kế hoạch nhiệm vụ của đơn vị và dự kiến biên chế.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng giai đoạn 2026-2030
1	Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương	7.243	7.340	7.450	7.550	7.600	37.183
2	Chi phí hoạt động (điện, nước, VPP, chi hoạt động CM,...)	450	500	550	650	700	2.850
3	Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ	259	310	360	370	390	1.689
	<b>Cộng</b>	7.943	8.150	8.360	8.570	8.690	41.713

## 2.2. Thu, chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp

### 2.2.1. Dự toán thu

Căn cứ nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ công văn số: 927/SGDDĐT-TC ngày 25/09/2025 V/v thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026.

Căn cứ Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 Quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập, tư thục, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng giai đoạn 2026-2030
1	Thu học phí	0	0	0	0	0	0
2	Ngân sách cấp bù HP	749	806	864	864	864	4.147
	<b>Cộng</b>	749	806	864	864	864	4.147

### 2.2.2. Dự toán chi

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tổng cộng giai đoạn 2026-2030
1	Chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương	300	322	346	346	346	1.660
2	Chi phí hoạt động (điện, nước, VPP, chi hoạt động CM,...)	300	300	320	320	320	1.560
3	Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ	149	184	198	198	198	927
	<b>Cộng</b>	749	806	864	864	864	4.147

### 3. Xác định mức độ tự chủ tài chính:

$$\text{Mức tự bảo đảm chi thường xuyên giai đoạn 2026-2030(\%)} = \frac{4.147}{41.713} \times 100\% = 9,94\%$$

Căn cứ vào nguồn thu sự nghiệp, chi thường xuyên của năm đầu thời kỳ ổn định, đơn vị sự nghiệp công xác định mức tự đảm bảo kinh phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Trường Mầm non Nghĩa Trung xác định mức độ tự chủ là: Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (*thuộc nhóm 4, có mức đảm bảo dưới 10%*)

Trên đây là phương án tự chủ tài chính của Trường Mầm non Nghĩa Trung giai đoạn 2026-2030. Trường Mầm non Nghĩa Trung kính đề nghị UBND xã Nghĩa Hưng phê duyệt./.

***Nơi nhận:***

- UBND xã Nghĩa Hưng;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, KT.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



HIỆU TRƯỞNG  
*Yà Thị Huyền*